

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÁNH LINH TRANS
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÁNH LINH TRANS

Tên công ty viết bằng tiếng Anh: KHANH LINH TRANS TRANSPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: KHANH LINH TRANS., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110821104

3. Ngày thành lập: 22/08/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Kiot TM01, Tòa CT36, số 50 ng 28 ng Xuân La, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: 086 2359959 Fax:
Email: info@khanhlinhtrans.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất lĩnh kinh doanh	2610
2.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
3.	Sản xuất máy móc, máy móc, thiết bị, thiết bị phụ kiện và phụ kiện	2710
4.	Sản xuất thiết bị điện tử	2790
5.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trên kho ngoại quan)	5210
6.	Bán lẻ hàng hóa	5224
7.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khách hàng vận tải Chi tiết: - Dịch vụ vận tải, giao nhận vận chuyển - Dịch vụ logistics (trên hàng không). - Hoạt động các dịch vụ vận chuyển hàng không; - Hoạt động các dịch vụ vận chuyển hàng không; - Hoạt động các dịch vụ vận chuyển hàng không	5229
8.	Dịch vụ lưu trữ hàng hóa	5510
9.	Bán buôn bán lẻ hàng hóa, kinh doanh và các sản phẩm liên quan	4661
10.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trên kinh doanh vàng miếng)	4662
11.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
12.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào	4669
13.	Bán buôn tổng hợp (Trên kinh doanh các mặt hàng)	4690

14.	B n l m y vi t nh, thi t b ngo i vi, ph n m m và thi t b vi n th ng trong c c c a hàng chuy n doanh	4741
15.	B n l ng kim, s n, k nh và thi t b l p t kh c trong x y d ng trong c c c a hàng chuy n doanh	4752
16.	D ch v ph c v u ng (kh ng bao g m kinh doanh qu n bar, ph ng h t karaoke, v tr ng)	5630
17.	S a ch a m y m c, thi t b	3312
18.	S a ch a thi t b i n t và quang h c	3313
19.	S a ch a thi t b i n	3314
20.	S a ch a thi t b kh c	3319
21.	L p t m y m c và thi t b c ng nghi p	3320
22.	Ph d	4311
23.	Chu n b m t b ng (Tr d m n và c c lo i t ng t (bao g m c vi c cho n) t i m t b ng x y d ng)	4312
24.	L p t h th ng i n	4321
25.	L p t h th ng x y d ng kh c	4329
26.	Hoàn thi n c ng tr nh x y d ng	4330
27.	B n bu n t và xe c ng c kh c (tr u gi hàng h a)	4511
28.	i l t và xe c ng c kh c (tr u gi hàng h a)	4513
29.	B o d ng, s a ch a t và xe c ng c kh c	4520
30.	B n ph t ng và c c b ph n ph tr c a t và xe c ng c khác (tr ho t ng u gi)	4530
31.	Bán mô tô, xe máy (tr u gi hàng h a)	4541
32.	B o d ng và s a ch a m t , xe m y	4542
33.	B n ph t ng và c c b ph n ph tr c a m t , xe m y (tr ho t ng u gi)	4543
34.	B n bu n d ng kh c cho gia nh Chi ti t: - B n bu n vali, c p, t i, v , hàng da và gi da kh c - B n bu n thu c, nguy n li u làm thu c - B n bu n d ng c y t - B n bu n n c hoa, hàng m ph m và ch ph m v sinh - B n bu n i n gia d ng, n và b n i n - B n bu n gi ng, t , bàn gh và d ng n i th t t ng t - B n bu n hàng g m, s , th y tính - B n bu n d ng kh c cho gia nh ch a c ph n vào u - B n bu n s ch, b o, t p ch , v n ph ng ph m	4649

35.	B n bu n m y vi t nh, thi t b ngo i vi và ph n m m	4651
36.	B n bu n thi t b và linh ki n i n t , vi n th ng	4652
37.	B n bu n m y m c, thi t b và ph t ng m y n ng nghi p	4653
38.	B n bu n m y m c, thi t b và ph t ng m y kh c	4659
39.	V n t i hành kh ch ng b trong n i thành, ngo i thành (tr v n t i b ng xe bu t)	4931
40.	V n t i hành kh ch ng b kh c Chi ti t: - Kinh doanh v n t i b ng xe t - Kinh doanh v n t i hành kh ch b ng xe t theo tuy n c nh - Kinh doanh v n t i hành kh ch theo h p ng; - Kinh doanh v n t i kh ch du l ch b ng xe t .	4932
41.	V n t i hàng h a b ng ng b Chi ti t: Kinh doanh v n t i hàng h a b ng xe t	4933(Chính)
42.	Ho t ng d ch v h tr kinh doanh kh c c n l i ch a c ph n vào u - Chi ti t: Xu t nh p kh u c c m t hàng C ng ty kinh doanh.	8299
43.	Ho t ng thi t k chuy n d ng - Chi ti t: Ho t ng trang tr n i th t.	7410
44.	Cho thu xe c ng c	7710
45.	L p th th ng c p, tho t n c, h th ng s i và i u hoà không khí	4322
46.	B n l t con (lo i 9 ch ng i tr xu ng)	4512
47.	B n bu ng o, l a m , h t ng c c kh c, b t m	4631
48.	B n bu n th c ph m Chi ti t: - Kinh doanh th c ph m ch c n ng và th c ph m t ng c ng vi ch t dinh d ng - B n bu n th t và c c s n ph m t th t - B n bu n th y s n - B n bu n rau, qu - Bán buôn cà phê - Bán buôn chè - B n bu n ng, s a và c c s n ph m s a, b nh k o và c c s n ph m ch bi n t ng c c, b t, tinh b t - B n bu n th c ph m kh c	4632
49.	T ch c gi i thi u và x c ti n th ng m i (tr ho t ng b o ch)	8230
50.	L p tr nh m y vi t nh	6201
51.	T v n m y vi t nh và qu n tr h th ng m y vi t nh	6202
52.	Ho t ng d ch v c ng ngh th ng tin và d ch v kh c li n quan n m y vi t nh	6209

53.	X lý d li u, cho thu và c c ho t ng li n quan	6311
54.	C ng th ng tin (tr ho t ng b o ch)	6312
55.	Kinh doanh b t ng s n, quy n s d ng t thu c ch s h u, ch s d ng ho c i thu Chi ti t: Kinh doanh b t ng s n	6810
56.	Qu ng c o (tr qu ng c o thu c l)	7310
57.	Nghi n c u th tr ng và th m d d lu n	7320
58.	B n l l ng th c, th c ph m, u ng, thu c l , thu c lão chi m t tr ng l n trong c c c a hàng kinh doanh t ng h p	4711
59.	B n l th c ph m trong c c c a hàng chuy n doanh Chi ti t: - B n l th c ph m ch c n ng và th c ph m t ng c ng vi ch t dinh d ng - B n l th t và c c s n ph m th t trong c c c a hàng chuy n doanh - B n l th y s n trong c c c a hàng chuy n doanh - B n l rau, qu trong c c c a hàng chuy n doanh - B n l ng, s a và c c s n ph m s a, b nh, m t, k o và c c s n ph m ch bi n t ng c c, b t, tính b t trong c c c a hàng chuyên doanh - B n l th c ph m kh c trong c c c a hàng chuy n doanh	4722
60.	S n xu t th c ph m kh c ch a c ph n vào u Chi ti t: S n xu t th c ph m ch c n ng	1079
61.	Ho t ng d ch v h tr tr c ti p cho v n t i ng s t	5221
62.	Ho t ng d ch v h tr tr c ti p cho v n t i ng b	5225
63.	Xu t b n ph n m m (Tr ho t ng xu t b n ph m)	5820
64.	Ho t ng s n xu t phim i n nh, phim video và ch ng tr nh truy n h nh (Tr ho t ng s n xu t ch ng tr nh truy n h nh)	5911
65.	Ho t ng ph t hành phim i n nh, phim video và ch ng tr nh truy n h nh (Tr ho t ng ph t hành ch ng tr nh truy n h nh)	5913
66.	X y d ng nhà	4101
67.	X y d ng nhà kh ng	4102
68.	B n l thi t b nghe nh n trong c c c a hàng chuy n doanh	4742

69.	B n l thu c, d ng c y t , m ph m và v t ph m v sinh trong c c c a hàng chuy n doanh Chi ti t: - B n l thu c - B n l d ng c , thi t b y t trong c c c a hàng chuy n doanh - B n l n c hoa, m ph m và v t ph m v sinh trong c c c a hàng chuyên doanh	4772
70.	i l du l ch	7911
71.	i u hành tua du l ch Chi ti t: Kinh doanh d ch v l hành	7912
72.	D ch v t ch và c c d ch v h tr li n quan n qu ng b và t ch c tua du l ch	7990
73.	Nhà hàng và c c d ch v n u ng ph c v l u ng	5610

6. Vốn điều lệ: 30.000.000.000 VNĐ

M nh gi c ph n:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 3.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PH M ANH C	S 8 ng 69 ph Trung Li t, Ph ng Trung Li t, Qu n ng a, Thành ph Hà N i, Vi t Nam	C ph n ph thông	1.500.000	15.000.000.000	50,000	022087000057	
			C ph n u i bi u quy t	0	0	0,000		
			C ph n u i c t c	0	0	0,000		
			C ph n u i hoàn l i	0	0	0,000		
			C c c ph n u i kh c	0	0	0,000		
			T ng s	1.500.000	15.000.000.000	50,000		

2	PH M THU HI N	S 8 ng 69 ph Trung Li t, Ph ng Trung Li t, Qu n ng a, Thành ph Hà N i, Vi t Nam	C ph n ph thông	900.000	9.000.000.000	30,000	0221940008 28	
			C ph n u i bi u quy t	0	0	0,000		
			C ph n u i c t c	0	0	0,000		
			C ph n u i hoàn l i	0	0	0,000		
			C c c ph n u i kh c	0	0	0,000		
			T ng s	900.000	9.000.000.000	30,000		
3	V NG TH TÌNH	p 4, X C a C n, Thành ph Ph Qu c, T nh Ki n Giang, Vi t Nam	C ph n ph thông	600.000	6.000.000.000	20,000	0301870002 19	
			C ph n u i bi u quy t	0	0	0,000		
			C ph n u i c t c	0	0	0,000		
			C ph n u i hoàn l i	0	0	0,000		
			C c c ph n u i kh c	0	0	0,000		
			T ng s	600.000	6.000.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: V HUY HO NG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/07/1998

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý cá nhân: 022098001090

Ngày cấp: 19/04/2023

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 6, Khu Quang Trung, Phường Mạo Khê, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Địa chỉ hiện tại: Tổ 6, Khu Quang Trung, Phường Mạo Khê, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng kinh doanh Thành phố Hà Nội